TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Minh Thọ

Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: bà Cao Thị Bích Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 593/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 586/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thúy N, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: số A THĐ, Phường P, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Bị đơn:* Trần Duy Nh, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Hẻm B đường C, Phường R, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phạm Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nh tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì quan

điểm sống khác biệt. Mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Nh thường xuyên bài bạc, tiền cưới cũng như tiền mà hai vợ chồng làm ra ông Nh đều sử dụng vào việc đánh bài và mục đích cá nhân, không dùng vào chăm sóc con cái, không lo toan việc gia đình. Bà nhiều lần khuyên ông Nh thay đổi nhưng không được, thậm chí ông Nh còn sử dụng vũ lực đe dọa bà.

Bà nhận thấy không thể chung sống với ông Nh được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: bà và ông Nh có 01 chung là Trần Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13/10/2016. Cháu Ng sống với bà đến tháng 8/2021 thì ông Nh đến đón con đưa về cho ông bà nội tại huyện Di Linh. Hàng tháng bà chỉ được về thăm con chứ không được đưa con lên Đà Lạt để sống cùng bà. Bà có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà đang làm nhân viên bán hàng tại Siêu thị Điện máy Chợ Lớn Đà Lạt, lương cơ bản là 4.600.000đ/tháng, ngoài ra còn có tiền thưởng, tổng thu nhập hàng tháng của bà từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2021, bị đơn Trần Duy Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn, đến ngày 10/8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bà N tự ý bỏ ra ngoài sống. Ông không đồng ý ly hôn vì còn có con chung.

Về con chung: ông bà có 01 chung là Trần Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13/10/2016, hiện đang sống cùng ông và ông bà nội. Ông Nh có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Duy Nh được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có mặt theo triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn hôn nhân của bà N và ông Nh nhưng chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đương sự và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, cho bà N ly hôn với ông Nh; Giao con chung là Cháu Ng cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi Cháu Ng trưởng thành, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; bà N và ông Nh không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn Phạm Thị Thúy N và bị đơn Trần Duy Nh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Trần Duy Nh được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông Nh đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Hai ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai ông bà cũng không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2021 cho đến nay.

Ông Nh được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân của bà N và ông Nh đã trầm trọng, hai bên đã không thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc và chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông Nh.

Về con chung: ông bà có 01 chung là Trần Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13/10/2016. Bà N và ông Nh đều có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, Tòa án đã yêu cầu bà N, ông Nh cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng ông Nh không thực hiện. Bà N cung

cấp cho Tòa án xác nhận của Công an Phường 3, thành phố Đà Lạt xác nhận bà có đăng ký tạm trú tại Phường 3, thành phố Đà Lạt và Hợp đồng lao động giữa bà với Công ty trách nhiệm hữu hạn Cao Phong, thể hiện bà N có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Đồng thời, Cháu Ng là con gái, còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Xét, việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà N không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N. Bà Phạm Thị Thúy N và ông Trần Duy Nh được ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung là Trần Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13/10/2016 cho bà Phạm Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001314 ngày 06/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Thúy N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông

Trần Duy Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- UBND Phường 6, Tp Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Lý